

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HK II SINH 8 (Năm học 2022 - 2023)

BÀI 40: VỆ SINH HỆ BÀI TIẾT NƯỚC TIỂU

Câu 1: Một số tác nhân chủ yếu gây hại hệ bài tiết nước tiểu và hậu quả?

- Tác nhân: Các vi khuẩn gây bệnh, chất độc trong thức ăn, đồ uống, khẩu phần ăn uống không hợp lý.

- Một số bệnh về thận và đường tiết niệu: viêm cầu thận, suy thận, sỏi thận, viêm đường tiết niệu....

Câu 2: Cần xây dựng thói quen sống khoa học để bảo vệ hệ bài tiết nước tiểu tránh tác nhân có hại:

Thường xuyên giữ vệ sinh cho toàn cơ thể cũng như hệ bài tiết nước tiểu → hạn chế tác hại của vi sinh vật gây bệnh.

Khẩu phần ăn uống hợp lý:

+ Không ăn quá nhiều protein, quá mặn, quá chua, quá nhiều chất tạo sỏi → không để thận làm việc quá nhiều và hạn chế khả năng tạo sỏi.

+ Không ăn thức ăn ôi thiu và nhiễm chất độc hại → hạn chế tác hại của chất độc.

+ Uống đủ nước → Tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình lọc máu được liên tục.

Nên đi tiểu đúng lúc không nên nhịn lâu → Tạo điều kiện thuận lợi cho sự tạo thành nước tiểu được liên tục, hạn chế khả năng tạo sỏi ở bóng đái.

CÂU 3: Khi các cầu thận bị viêm và suy thoái có thể dẫn đến những hậu quả nghiêm trọng như thế nào về sức khỏe?

Hậu quả: Quá trình lọc máu bị trì trệ → Các chất cặn bã và chất độc hại bị tích tụ trong máu → Biểu hiện sớm nhất là cơ thể bị phù, tiếp theo là suy thận toàn bộ dẫn tới hôn mê và chết.

CÂU 4: Khi các tế bào ống thận làm việc kém hiệu quả hay bị tổn thương có thể dẫn đến hậu quả như thế nào về sức khỏe?

- Khi các tế bào ống thận làm việc kém hiệu quả → Quá trình hấp thụ lại các chất cần thiết và bài tiết tiếp các chất cặn bã độc hại bị giảm → Môi trường trong bị biến đổi → Trao đổi chất bị rối loạn → Ảnh hưởng bất lợi tới sức khỏe.

- Khi các tế bào ống thận bị tổn thương có thể làm tắc ống thận hay nước tiểu trong ống có thể hòa thẳng vào máu → Gây đầu độc cơ thể với những biểu hiện tương tự trường hợp suy thận.

Câu 5: Khi đường dẫn nước tiểu bị nghẽn bởi sỏi có thể ảnh hưởng thế nào tới sức khỏe?

Gây tình trạng bí tiểu hay không đi tiểu được → Người bệnh đau dữ dội và có thể kèm theo sốt → Nếu không được cấp cứu kịp thời cũng có thể nguy hiểm đến tính mạng.

Bài 46: TRỤ NÃO, TIỂU NÃO, NÃO TRUNG GIAN.

Câu 6: Hãy cho biết vị trí và chức năng của Tiểu não, Trụ não, Não trung gian:

| | Trụ não | Não trung gian | Tiểu não |
|-----------|--|---|---|
| Vị trí | Trụ não tiếp liền tủy sống | Não trung gian nằm giữa trụ não và đại não | Tiểu não nằm phía sau trụ não |
| Chức năng | Điều khiển hoạt động của các cơ quan sinh dưỡng: hệ hô hấp, tiêu hóa, tuần hoàn... | Điều khiển hoạt động trao đổi chất và điều hòa thân nhiệt | Điều hòa, phối hợp các cử động phức tạp và giữ thăng bằng |

Câu 7: Giải thích cho quy định vì sao không nên điều khiển phương tiện giao thông khi đã uống rượu bia qua một tình huống cụ thể trong thực tiễn?



Còn theo một khảo sát của Ủy ban ATGT quốc gia và Tổ chức Y tế thế giới (WHO) thực hiện tại 10 địa phương cho thấy, tỷ lệ các vụ TNGT do rượu bia chiếm khoảng 40%. Mỗi năm nước ta có khoảng 18.000 nạn nhân nhập viện do tai nạn giao thông trong đó có 36,9% ca tai nạn giao thông liên quan đến bia rượu, 36% số người lái xe máy có nồng độ cồn trong máu vượt ngưỡng cho phép, 66,8% số lái ô tô vi phạm quy định về nồng độ cồn khi điều khiển phương tiện và 11% số người tử vong do tai nạn giao thông có liên quan đến rượu, bia...

TL: Do rượu đã ngăn cản, ức chế sự dẫn truyền qua xinap giữa các tế bào có liên quan đến tiểu não khiến sự phối hợp các hoạt động phức tạp và giữ thăng bằng cơ thể bị ảnh hưởng.

BÀI 47: ĐẠI NÃO

Câu 8: Cấu tạo đại não:

Đại não là phần phát triển nhất ở người.

Cấu tạo:

- Đại não gồm
- Bề mặt của đại não có nhiều đó là và làm cho của bề mặt đại não, mặt khác chia đại não thành các thùy (.....)
- Chất xám nằm tạo thành vỏ não dày 2-3mm, gồm 6 lớp tế bào.
- Chất trắng nằm vỏ não.

Câu 9: Chức năng của đại não:

- Chất xám: là trung tâm của các phản xạ có điều kiện.
- Chất trắng: là các đường thần kinh nối các vùng vỏ não với nhau và nối vỏ não với các phần dưới của hệ thần kinh.

Câu 10:

1. Nêu rõ đặc điểm cấu tạo và chức năng của đại não người, chứng tỏ sự tiến hóa của người so với các động vật thuộc lớp thú:

- Khối lượng não của cơ thể người lớn hơn so với các động vật thuộc lớp thú.
- Vỏ não có nhiều khe và rãnh làm tăng bề mặt chứa các neuron (khối lượng chất xám lớn hơn)
- Ở người, ngoài các trung khu vận động và cảm giác như các động vật thuộc lớp thú còn có các trung khu vận động cảm giác và vận động ngôn ngữ (nói, viết, hiểu tiếng nói chữ viết)

2. Nêu các vùng chức năng chỉ có ở não người?

- Vùng vận động ngôn ngữ, Vùng hiểu tiếng nói, Vùng hiểu chữ viết.

3. Giải thích được tại sao tổn thương ở một bên đại não sẽ làm tê liệt các phần bên phía đối diện?

Vì hầu hết các đường thần kinh cảm giác từ các phần dưới đi lên não và các đường thần kinh vận động từ trên não đi xuống. Khi đi qua trụ não đều bắt chéo sang phía đối diện. Do vậy khi bị tổn thương một bán cầu não phải sẽ làm nửa thân bên trái (bán cầu não trái) bị tê liệt.

Bài 52: PHẢN XẠ KHÔNG ĐIỀU KIỆN VÀ PHẢN XẠ CÓ ĐIỀU KIỆN

Câu 11: Khái niệm phản xạ không điều kiện và có điều kiện:

- Phản xạ không điều kiện là: phản xạ sinh ra đã có, không cần phải học tập.
VD: đi nắng mặt đỏ gay, mồ hôi vã ra; trời rét môi tím tái...
- Phản xạ có điều kiện: là phản xạ được hình thành trong đời sống cá thể, là kết quả của quá trình học tập, rèn luyện, rút kinh nghiệm.
VD: phản xạ may quần áo, biết đọc, biết viết....

Câu 12: Sự hình thành phản xạ có điều kiện?

1. Hình thành phản xạ có điều kiện:

- Phải có sự kết hợp giữa kích thích có điều kiện và kích thích không điều kiện.
- Quá trình kết hợp đó phải được lập đi lập lại nhiều lần.

Thực chất của việc thành lập phản xạ có điều kiện là sự hình thành đường liên hệ tạm thời nối các vùng vỏ não với nhau.

2. Ước chế phản xạ có điều kiện:

Khi phản xạ có điều kiện không được củng cố → phản xạ mất dần.

3. Trình bày quá trình hình thành một phản xạ mới và ước chế một phản xạ cũ

Khi cho gà ăn kết hợp với gõ mõ nhiều lần sẽ hình thành ở gà phản xạ có điều kiện: "tiếng mõ là tín hiệu gọi ăn", nên khi nghe mõ là gà chạy về ăn.

Tuy nhiên, nếu gõ mõ, gà chạy về mà không được cho ăn nhiều lần thì về sau khi nghe tiếng mõ gà cũng không chạy về nữa.

4. Nêu được các điều kiện cần để hình thành một PXCĐK mới

Phải có sự kết hợp giữa kích thích có điều kiện với kích thích không có điều kiện.

Quá trình đó được lập lại nhiều lần

Câu 13: Nêu rõ ý nghĩa của sự hình thành và ước chế phản xạ có điều kiện đối với đời sống động vật và con người?

- Đối với đời sống sinh vật sinh vật: Đảm bảo sự thích nghi với môi trường và điều kiện sống luôn thay đổi.
- Đối với con người: hình thành các thói quen và tập quán tốt.

Câu 14: Tính chất của phản xạ không điều kiện và có điều kiện:

| Phản xạ không điều kiện | Phản xạ có điều kiện |
|---|---|
| - Trả lời các kích thích không điều kiện. | - Trả lời các kích thích có điều kiện. |
| - Bẩm sinh. | - Do luyện tập. |
| - Di truyền, mang tính chất chủng loại | - Không di truyền, mang tính chất cá thể. |

| | |
|---|---|
| - Bền vững suốt đời không thay đổi. - Số lượng hạn chế - Cung phản xạ đơn giản. - Trung ương: trụ não, tủy sống. | - Ít bền vững, dễ mất khi không củng cố - Số lượng không hạn chế - Hình thành đường liên hệ tạm thời. - Trung ương: vỏ não |
|---|---|

CHỦ ĐỀ: NỘI TIẾT.

Bài 55: Giới thiệu chung hệ nội tiết

Câu 15: Đặc điểm hệ nội tiết:

- Tiết các hormone chuyển theo đường máu đến tác động các cơ quan đích.
- Góp phần trong việc điều hòa các quá trình sinh lý của cơ thể.
- Tác động chậm, kéo dài và trên diện rộng.

Câu 16: Phân biệt tuyến nội tiết và tuyến ngoại tiết

| | Tuyến nội tiết | Tuyến ngoại tiết |
|------------------|--|---|
| Cấu tạo | Gồm các tế bào tuyến và mạch máu | Gồm các tế bào tuyến và ống dẫn chất tiết |
| Chức năng | Có tác dụng điều khiển, điều hòa, phối hợp hoạt động của các cơ quan | Có tác dụng trong quá trình tiêu hóa thức ăn, thải bã, điều hòa thân nhiệt... |
| Ví dụ | tuyến yên, tuyến giáp, tuyến cận giáp, tuyến trên thận. | tuyến nước bọt, tuyến tụy, tuyến mồ hôi... |

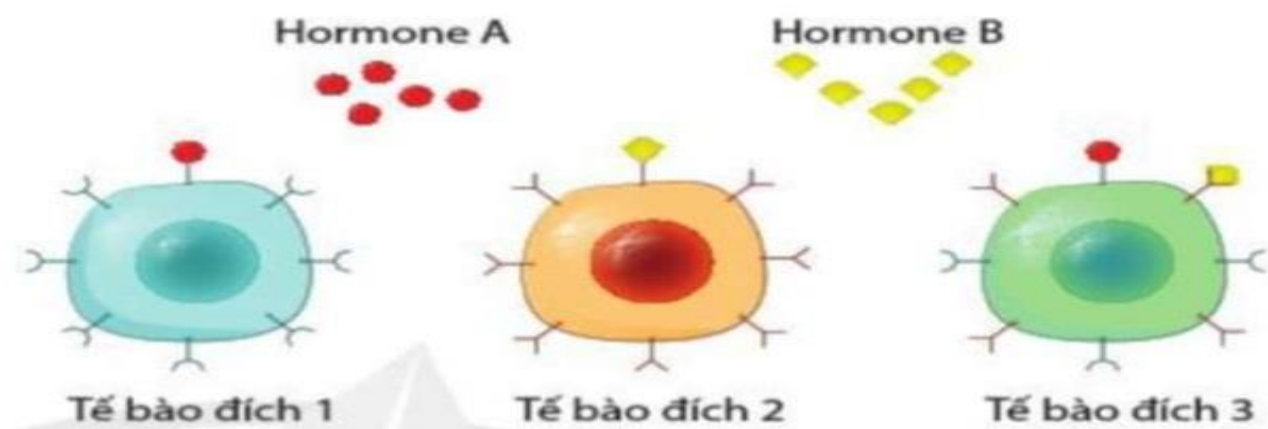
Câu 17: Tính chất của hormone:

- Có tính đặc hiệu: vì 1 hormone chỉ ảnh hưởng đến một cơ quan xác định.
- Có hoạt tính sinh học cao: vì chỉ với một lượng nhỏ cũng gây hiệu quả rõ rệt.
- Không mang tính đặc trưng cho loài.

Câu 18: Vai trò của hormone:

- Duy trì tính ổn định của môi trường trong cơ thể.
- Điều hòa các quá trình sinh lý diễn ra bình thường.

Câu 19: Giải thích cơ chế chìa khóa ổ khóa của hormone



Tế bào tiếp nhận các phân tử tín hiệu bằng các liên kết với thụ thể đặc hiệu ở tế bào đích và mỗi loại phân tử tín hiệu chỉ liên kết với một thụ thể nhất định.

Tế bào đích 1 có thể tiếp nhận hormone A, vì có thụ thể thích hợp với hormone A.

Câu 20: Em hãy chú thích hình vẽ và cho biết tên hình h.

